

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2026

"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Duyên

2. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Danh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 106/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Lê Chiêu L, sinh ngày 05 tháng 9 năm 1992 (vắng mặt);

2. **Bị đơn:** Chị Nguyễn Kiều S, sinh ngày 21 tháng 5 năm 1982 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2025, đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 09 tháng 02 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Lê Chiêu L trình bày và yêu cầu như sau:

Anh và chị Nguyễn Kiều S chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang số: 96/2018 ngày 18 tháng 8 năm 2018, thời gian chung sống anh và chị Nguyễn Kiều S có được

03 người con chung tên: Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015, Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018, hiện nay người con chung tên Lê Chiêu N đang sống chung với anh, 02 người con chung tên: Lê Chiêu H và Lê Thu T đang sống chung với chị Nguyễn Kiều S. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Nguyễn Kiều S không có tài sản chung, nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Kiều S thường xuyên bất hòa, cự cãi với nhau trong việc làm ăn kinh tế gia đình, anh thường xuyên đi biển, chị Nguyễn Kiều S không ở nhà lo lắng cho gia đình, vợ chồng sống không hạnh phúc, sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay; anh và chị Nguyễn Kiều S không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con; anh tự nguyện giao 02 người con chung tên: Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Nguyễn Kiều S tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được; anh không cấp dưỡng nuôi con và anh không yêu cầu chị Nguyễn Kiều S cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được nghe Tòa án giải thích về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ, anh cam kết không yêu cầu giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Kiều S:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Kiều S biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Lê Chiêu L khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị, nhưng chị Nguyễn Kiều S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tại các Biên bản xác minh ngày ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Chị Nguyễn Kiều S và anh Lê Chiêu L chung sống tại ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn ở địa phương không nắm rõ. Anh Lê Chiêu L và chị Nguyễn Kiều S có 03 người con chung tên: Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015, Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018, hiện nay người con chung tên Lê Chiêu N đang sống chung với anh, 02 người con chung tên: Lê Chiêu H và Lê Thu T đang sống chung với chị Nguyễn Kiều S, không ở

nhà ổn định nên không lấy được ý kiến nguyện vọng của Lê Chiêu H và Lê Thu T.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Căn cước công dân tên Lê Chiêu L (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn Lê Chiêu L và Nguyễn Kiều S số: 96/2018 ngày 18 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Bản chính); 02 Giấy khai sinh tên Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 (Bản sao); Trích lục khai sinh tên Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 (Bản sao); Giấy xác nhận ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Công an xã Đ, tỉnh An Giang (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang (Bản chính); Văn bản trình bày nguyện vọng ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015 (Bản chính).

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Lê Chiêu L gửi đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt và bị đơn chị Nguyễn Kiều S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các trình tự thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng dân sự, gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Kiều S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Lê Chiêu L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S và nuôi con là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Lê Chiêu L được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S. Về quan hệ con chung, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị tên Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015 cho anh Lê Chiêu L tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Lê Chiêu N; giao 02 người con chung của anh chị tên: Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Nguyễn Kiều S tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Lê Chiêu L và chị Nguyễn Kiều S không yêu cầu đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ, anh Lê Chiêu L tự xác định, anh chị không có tài sản chung và không có nợ, anh chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Chiêu L yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Kiều S và nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại: ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Kiều S biết và ấn định thời gian để chị có ý kiến về việc anh Lê Chiêu L khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với chị, nhưng chị Nguyễn Kiều S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Nguyễn Kiều S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung, tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, thì nguyên đơn anh Lê Chiêu L gửi đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Kiều S được triệu tập đến lần thứ hai vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn anh Lê Chiêu L và bị đơn chị Nguyễn Kiều S theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Lê Chiêu L và chị Nguyễn Kiều S chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang là một trong những nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 96/2018, ngày 18 tháng 8 năm 2018, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của anh Lê Chiêu L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S, thời gian anh Lê Chiêu L và chị Nguyễn Kiều S thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau trong việc làm ăn kinh tế gia đình, anh thường xuyên đi biển, chị Nguyễn Kiều S không ở nhà lo lắng cho gia đình, vợ chồng sống không hạnh phúc, sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay, anh và chị Nguyễn

Kiều S không còn tình cảm vợ chồng, anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S thì chị Nguyễn Kiều S không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc anh Lê Chiêu L yêu cầu ly hôn với chị là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Chiêu L cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh Lê Chiêu L, cho anh Lê Chiêu L được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Lê Chiêu L và chị Nguyễn Kiều S có 03 người con chung tên: Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015, Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018, hiện nay người con chung tên Lê Chiêu N đang sống chung với anh, 02 người con chung tên: Lê Chiêu H và Lê Thu T đang sống chung với chị Nguyễn Kiều S. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015 đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con; anh tự nguyện giao 02 người con chung tên: Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Nguyễn Kiều S tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được; chị Nguyễn Kiều S không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu của anh Lê Chiêu L phù hợp với nguyện vọng người con chung của anh chị tên Lê Chiêu N, đồng thời từ khi anh chị ly thân đến nay người con chung của anh chị tên Lê Chiêu N chung sống với anh Lê Chiêu L, 02 người con chung của anh chị tên Lê Chiêu H và Lê Thu T chung sống với chị Nguyễn Kiều S, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do đó, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Lê Chiêu L, khi anh chị ly hôn giao người con chung của anh chị tên Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015 cho anh Lê Chiêu L tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Lê Chiêu N; giao 02 người con chung của anh chị tên: Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Nguyễn Kiều S tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Lê Chiêu L và chị Nguyễn Kiều S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Lê Chiêu L tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Chiêu L được ly hôn với chị Nguyễn Kiều S.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Lê Chiêu N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2015 cho anh Lê Chiêu L tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của Lê Chiêu N; Giao 02 người con chung của anh chị tên: Lê Chiêu H, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 và Lê Thu T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Nguyễn Kiều S tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Chiêu L và chị Nguyễn Kiều S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Lê Chiêu L tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Lê Chiêu L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0009644 (Ký hiệu: BLTU/25E) ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang. Anh Lê Chiêu L đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- UBND xã Đ, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP (Kiều).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo